TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU** Bản án số: 36/2018/HSST Ngày: 26/6/2018	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Xuân Thu**.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lệ Thủy; Ông Lò Văn Lâm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Quàng Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Tuân - Kiểm sát viên

Ngày 26/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/HSST, ngày 01/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/HSST- QĐ ngày 12/6/2018 đối với bị cáo:

Lò Văn T - sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Lò Văn P – sinh năm 1964; Con bà: Lìm Thị H - sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 03; Vợ: Hoàng Thị M- sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ 5, Đảng bộ xã Mường Cang, huyện Than Uyên. Ngày 02/4/2018, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Than Uyên ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với bị cáo Lò Văn T.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2018, nay đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: 1. Ông: Hà Văn H - sinh năm 1964.

Trú tại: Bản Đ, xã M, huyện Than Uyên, Lai Châu.

2. Anh: Thào A T - sinh năm 1985.

Trú tại: Bản N, xã T, huyện Than Uyên, Lai Châu.

3. Anh: Lò Văn Nọi - sinh năm 1990.

Trú tại: Bản E, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

(Các bị hại đều có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh: Tô Quang H- sinh năm 1973.
2. Chị: Đoàn Thị G- sinh năm 1981.

Đều trú tại: Khu N, xã M1, huyện Than Uyên, Lai Châu.

3. Anh: Cứ A L - sinh năm 1985.

Trú tại: Bản Háng Ba La Ha, xã Khao Mang, Mù Cang Chải, Yên Bái. (Đều có mặt tại phiên tòa)

4. Chị: Lò Thị C – sinh năm 1979.

Trú tại: Bản Y, xã K, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/02/2018, Lò Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái khởi tố, điều tra về hành vi: " Trộm cắp tài sản", T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Trong thời gian được tại ngoại, sáng ngày 20/3/2018, Lò Văn T đến Trung tâm y tế huyện Than Uyên thuộc khu 4, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên để đón vợ mới sinh con ra viện. T thuê xe ôm đưa vợ, con về trước, còn T đứng đợi ở cổng Trung tâm y tế huyện chờ xe ôm quay lại đón. Trong lúc đợi xe ôm, T nhìn thấy có 01 chiếc xe Môtô nhãn hiệu Dragon dựng ở cổng Trung tâm y tế huyện Than Uyên, không có người trông giữ. T đã nảy sinh ý định trộm cắp và dắt chiếc xe đó ra bờ hồ thị trấn huyện Than Uyên. Tại đây, T đấu nối 02 dây điện của ổ TK xe, nổ máy điều khiển đi lên đường Quốc lộ 279 (cũ) thì dừng lại, tháo biển kiểm soát, giỏ xe và mũ bảo hiểm vứt ở ven đường. Sau đó, T điều khiển đi ra quốc lộ 32 đi đến khu vực bản Lướt, xã M, huyện Than Uyên vào quán sửa xe máy của chị Tòng Thị Th, mượn Tô vít tháo yếm xe gửi ở đó. Tiếp đến, T điều khiển xe đến khu Ngã 3, xã Mường Kim, huyện Than Uyên bán chiếc xe Môtô cho anh Tô Quang H làm nghề thu mua sắt vụn lấy 450.000 đồng, không nói cho anh H biết do phạm tội mà có.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe Môtô, nhãn hiệu Dragon do T trộm cắp thuộc sở hữu của anh Lò Văn N, trú tại bản E, xã M, huyện Than Uyên. Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: Chiếc xe Môtô của anh N có trị giá 01 triệu đồng.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, Lò Văn T tiếp tục đi đến cổng Trung tâm y tế huyện Than Uyên, mục đích tìm trộm cắp xe mang bán lấy tiền tiêu sài. Khi đến nơi, T nhìn thấy chiếc xe Môtô, nhãn hiệu Sufat, loại xe Win dựng ở cổng Trung tâm y tế huyện. Lợi dụng lúc vắng người, T dắt chiếc xe ra bờ hồ thị trấn huyện Than Uyên, đấu nối dây điện mở khóa xe. Sau đó, T điều khiển xe đến bản Pom Bó, xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tháo biển kiểm soát của xe vứt xuống bờ ruộng rồi mang xe giấu vào bụi cây gần lán ruộng của gia đình tại bản Đán Khoen, xã Mường Cang, huyện Than Uyên về nhà ngủ. Đến sáng ngày 23/3/2018, T điều khiển xe sang nhà anh Cứ A L tại bản Háng Ba La Ha, xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái bán xe cho anh Lâu lấy số tiền 500.000 đồng. Khi bán xe cho anh L, T không nói do phạm tội mà có. Mua được xe của T, anh L bán lại cho chị Đoàn Thị G làm nghề thu mua sắt vụn tại khu Ngã 3, xã Mường Kim, huyện Than Uyên.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe Môtô, nhãn hiệu Sufat, loại xe Win do T trộm cắp thuộc sở hữu của anh Thào A T, trú tại bản Nậm Vai, xã Phúc Than, huyện Than Uyên. Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: Chiếc xe Môtô của anh Tu có trị giá 02 triệu đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 24/3/2018, Lò Văn T đi bộ từ lán của gia đình mình xuống đường Quốc lộ 32 thuộc bản Đ, xã M1, huyện Than Uyên. Khi đến đường Quốc lộ 32, T nhìn thấy chiếc xe Môtô, nhãn hiệu Honda Wave SD, biển kiểm soát 25T1-062.50 dựng ở ven đường. Quan sát xung quanh thấy không có người, T dắt xe ra ngoài đường Quốc lộ 32 ngồi lên xe, thả trôi dốc khoảng 200 mét thì dừng lại. Tại đây, T đấu nối dây điện, nổ máy rồi điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ 279 vào xã Tà Hừa, huyện Than Uyên. Tại bản Khì xã Tà Hừa, T gạ bán xe cho chị Lò Thị X và anh Lò Văn Q nhưng chị X, anh Q không mua do xe không có giấy tờ. Không bán được xe, T điều khiển xe quay về xã Mường Kim. Trên đường về, T tháo biển kiểm soát của xe cầm cố mua 02 lít xăng của chị Lò Thị Ch tại bản Khì, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên. Khi về đến khu Ngã 3, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, T nhận được điện thoại của người nhà thông

báo ông Hà Văn H bị mất trộm xe. Biết chiếc xe trộm cắp là của ông H, T bỏ lại chiếc xe ở ven đường Quốc lộ 32 cách Ngã 3, xã Mường Kim, huyện Than Uyên khoản 30 mét rồi đi bộ về nhà. Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc xe này.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe do T trộm cắp thuộc sở hữu của ông Hà Văn H, trú tại bản Đ, xã M1, huyện Than Uyên. Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: Chiếc xe của ông Hặc có trị giá 15 triệu đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe Môtô T trộm cắp ngày 20/3/2018 bán cho anh Tô Quang Hạnh; thu giữ chiếc xe tại nhà chị Đoàn Thị G do T trộm cắp ngày 22/3/2018 bán cho anh L, sau đó anh L bán lại cho chị G; thu giữ 01 giỏ xe và 01 mũ bảo hiểm tại đường Quốc lộ 279 (cũ) thuộc khu 4 thị trấn Than Uyên. Đối với 01 biển kiểm soát xe Môtô, T khai vứt tại đây, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được; thu giữ 01 yếm xe Môtô tại nhà chị Tòng Thị Th thuộc bản Lướt xã M huyện Than Uyên do T gửi tại nhà chị Thơm; thu giữ 01 biển kiểm soát xe Môtô 25T1-062.50 tại nhà chị Lò Thị C do T tháo biển kiểm soát chiếc trộm cắp của ông Hặc cầm cố mua 02 lít xăng của chị C. Đối với biển kiểm soát xe Môtô nhãn hiệu Sufat, loại xe Win T trộm cắp ngày 22/3/2018 khai vứt tại bờ ruộng thuộc bản Pom Bó, xã Mường Cang, huyện Than Uyên, cơ quan điều tra đã T hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Ngày 03/5/2018, Cơ quan điều tra phối hợp với Viện kiểm sát T hành thực nghiệm điều tra, cho bị can Lò Văn T diễn lại hành vi phạm tội. Kết quả cho thấy T đã thực hiện hành vi trộm cắp, đấu nối dây điện chiếm đoạt xe phù hợp với lời khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị can Lò Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với số tiền do phạm tội mà có Lò Văn T đã tiêu sài hết.

Về vật chứng là 03 chiếc xe Môtô, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, ngày 02/4/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại 03 xe Môtô cho các bị hại: Lò Văn N, Thào A T, Hà Văn H.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT- VKS, ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 điều 173 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38 ; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 24 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là 27/3/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là phạt tiền đối với bị cáo. Vì hoàn cảnh kinh tế của bị cáo còn nhiều khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc bồi thường các khoản thiệt hại theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội tự tu dưỡng rèn luyện mình thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử khẳng định các quyết định, hành vi của Cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, phù hợp với lời

khai của các bị hại cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Một lần nữa khẳng định: Các ngày 20, 22, 24 trong tháng 3/2018, tại khu 4, thị trấn Than Uyên và bản Đán Khoen xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, Lò Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tổng số 03 chiếc xe Môtô có tổng trị giá 18.000.000 đồng của các bị hại: Lò Văn N, Thào A T, Hà Văn H. Lần thứ nhất T chiếm đoạt xe có trị giá 01 triệu đồng, lần thứ hai T chiếm đoạt xe có trị giá 02 triệu đồng, lần thứ ba T chiếm đoạt xe có trị giá 15 triệu đồng. Sau khi trộm cắp tài sản, Lò Văn T đã bán 02 chiếc xe Môtô lấy tổng số tiền 950.000 đồng tiêu sài hết hết, còn 01 chiếc xe Môtô do biết đã trộm cắp của người quen, T đã bỏ lại ở ven đường Quốc lộ 32 thuộc khu N, xã M, huyện Than Uyên.

Hành vi của bị cáo Lò Văn T thực hiện đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy bị cáo phải chịu một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra.

Xét về tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo là một người Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Lẽ ra bị cáo phải thực hiện tốt các quy định của Đảng, có lối sống mẫu mực của một người Đảng viên để cho quần chúng nhân dân noi theo, ngược lại bị cáo lại có lối sống tha hóa biến chất, ăn chơi đua đòi, coi thường kỷ cương pháp luật, nghiện chất ma túy rồi dẫn đến nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội cụ thể là: Ngày 01/02/2018 Lò Văn T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái khởi tố, điều tra về hành vi *" trộm cắp tài sản"* được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng các ngày 20, 23,24 tháng 3 năm 2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân mình với tổng giá trị tài sản là 18.000.000đ. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là *" Phạm tội 02 lần trở lên"*. Nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội nên cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét giảm phần nào khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Tô Quang H và Cứ A L là những người mua xe, quá trình điều tra xác định: Khi mua xe mô tô, anh H và L đều không biết do bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại Lò Văn N yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường các khoản thiệt hại là 3.000.000đ; Thào A T yêu cầu bồi thường 5.400.000đ; Hà Văn H yêu cầu bồi thường 1.000.000đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị Ch yêu cầu bồi thường 46.000đ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay sau khi được Hội đồng xét xử phân tích hòa giải thì các bị hại và bị cáo tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường cụ thể là: Bị cáo Lò Văn T nhất trí bồi thường cho Lò Văn N 500.000đ; Thào A T 3.400.000đ; Hà Văn H 1.000.000đ và bồi thường cho chị Lò Thị Chiến 46.000đ. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần được ghi nhận.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tô Quang H; Đoàn Thị G và Cứ A L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mua xe mô tô, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm **.**

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn T 02***(hai)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là 27/3/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ lien quan về việc bồi thường thiệt hại về tài sản, công tìm kiếm…cụ thể là: Bị cáo Lò Văn T bồi thường cho bị hại Lò Văn N 500.000đ *(năm trăm ngàn đồng)*; Thào A T 3.400.000đ *(ba triệu bốn trăm ngàn đồng)*; Hà Văn H 1.000.000đ *(một triệu đồng)* và bồi thường cho chị Lò Thị Ch 46.000đ *(bốn mươi sáu ngàn đồng)*. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 4.946.000đ *(bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn)*.

Kể từ ngày anh Lò Văn N; Thào A T; Hà Văn H và chị Lò Thị Ch có đơn yêu cầu được thi hành án, nếu Lò Văn T chưa thi hành được các khoản tiền phải bồi thường trên, thì hàng tháng Lò Văn T còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm **.**

Báo cho bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị Ch biết trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh lai Châu.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh 1.*
- *VKS, tỉnh, huyện 2.*
- *THA dân sự 1.*
- *UBKT huyện Ủy 1.*
- *CA -THA PT2.*
- *Bị cáo,các bị hại 4.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lường Xuân Thu

- Sở Tư pháp1.

- Người CQLNVLQ1.

- Lưu HS - TA 3.